

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày: 23 - 3 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quyết Chiến và Bà Phạm Thị Phiến

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trường Lưu - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 159/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Hữu T (tên gọi khác: T), sinh ngày 25/9/2020 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 12, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Hữu B, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Minh L, sinh năm 1981, bị cáo có vợ là chị Đỗ Thị P, sinh năm 2001 và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2020 cho đến nay “có mặt”.

Người bị hại:

Anh Liu Thụ N, sinh năm 1992; cư trú tại địa chỉ tổ 02, khu phố Tân Đồng 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Hữu B, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 12, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Chị Đỗ Thị P, sinh năm 2001; cư trú tại địa chỉ khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1974; cư trú tại địa chỉ tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03 tháng 5 năm 2020, Lê Hữu T cùng vợ là chị Đỗ Thị P đang ở nhà trọ “Minh K” thuộc tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước lúc này T kiểm tra điện thoại của P và phát hiện anh Liu Thụ N nhắn tin rủ vợ của T đi chơi. Do ghen tuông nên T dùng điện thoại của P nhắn tin rủ anh N đến nhà trọ. Nhận được tin nhắn anh N điều khiển xe mô tô đến nhà trọ “Minh K” để đón chị P đi chơi, tại đây anh N xảy ra mâu thuẫn với T và bị T dùng cây inox lấy tại hành lang khu nhà trọ đánh nhiều cái vào mắt và lưng anh N gây thương tích phải đưa đi Bệnh viện H để điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 146/2020/TgT ngày 26/5/2020 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Phước kết luận thương tích của anh Liu Thụ N như sau: Chấn thương mắt trái rách củng giác mạc đã khô, đục thể thủy tinh, xuất huyết pha lê thể. Thị lực mắt phải: 10/10. Mắt trái: bóng bàn tay.

Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật tày cứng diện giới hạn tác động từ trước ra sau (so với cơ thể bị hại). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 31% (ba mươi một phần trăm).

Quá trình điều tra anh Liu Thụ N và Lê Hữu T có đơn yêu cầu giám định lại thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã giám định lại:

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 5445/C09B ngày 09/11/2020 của Phân viện khoa học thành phố Hồ Chí Minh kết luận Liu Thụ N

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là: 31% (ba mươi một phần trăm).

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lê Hữu T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu T mức án từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Liu Thụ N không có yêu cầu bị cáo Lê Hữu T phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền 200.000.000 đồng mà ông Lê Hữu B là cha ruột của bị cáo T đã bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây sắt bằng Inox đã gãy và hư hỏng.

Bị cáo Lê Hữu T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với kết luận điều tra, với kết luận giám định pháp y về thương tích cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bức tức trước việc anh Liu Thụ N nhắn tin điện thoại rủ vợ là chị Đỗ Thị P đi chơi nên khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/5/2020 Lê Hữu T đã dùng điện thoại của chị Phương nhắn tin rủ anh N đến nhà trọ “Minh K” thuộc tổ 02, khu phố T, phường T, thành phố Đ, sau khi anh N đến để gặp chị P thì T đã dùng cây Inox ở hành lang đánh nhiều cái vào mắt và lưng anh N gây thương tích.

[3] Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 146/2020/TgT ngày 26/5/2020 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Phước kết luận Liu Thụ N như sau: Chấn thương mắt trái rách củng giác mạc đã khô, đục thể thủy tinh, xuất huyết pha lê thể. Thị lực mắt phải: 10/10. Mắt trái: bóng bàn tay.

Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật tày cứng diện giới hạn tác động từ trước ra sau (so với cơ thể bị hại). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 31% (ba mươi một phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 5445/C09B ngày 09/11/2020 của Phân viện khoa học thành phố Hồ Chí Minh kết luận anh Liu Thụ N: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là: 31% (ba mươi một phần trăm).

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo dùng cây inox là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho người bị hại anh Liu Thụ N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 31% nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc dùng cây sắt bằng Inox là hung khí nguy hiểm để đánh vào mắt và lưng của anh N là nguy hiểm và sẽ gây thương tích cho anh N nhưng vì bức tức và nghĩ anh N có quan hệ nam nữ với vợ là chị Đỗ Thị P mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại, người bị hại cũng có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và người bị hại cũng có một phần lỗi khi để xảy ra mâu thuẫn và cãi vã với bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử áp dụng để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại anh người bị hại anh Liu Thụ N không có yêu cầu bị cáo Lê Hữu T phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền 200.000.000 đồng mà ông Lê Hữu B là cha ruột của bị cáo T đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 cây sắt bằng Inox đã gãy và hư hỏng là hung khí bị cáo T dùng gây thương tích cho anh N hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/9/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bên không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây sắt bằng Inox đã gãy và hư hỏng

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001861, quyền số 0038, ký hiệu D47/2017 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An